TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số:113/2020/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 29tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2020/TLST- HNGĐ ngày 4 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn Chị Hà Thị H. Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn Anh Vi Văn H1. Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144; 147; 212 vàĐiều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84;110; 116; 117 và Điều 119của Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Hà Thị H và bị đơn anh Vi Văn H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:*chị Hà Thị H và anh Vi Văn H1 có ý kiến chung thống nhất anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/4/2017, tại xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh, chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu

tháng 6/2018 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H và anh H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* chị H và anh H1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là: Vi Bảo H2. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 5/7/2015. Cháu thứ 2 tên là: Vi Bảo V. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 17/12/2016. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện các cháu đang sống cùng anh, chị tại thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.Chị H và anh H1 đều có ý kiến chung, thống nhất giao các cháu Vi Bảo H2 và Vi Bảo V cho anh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 cháu. Thời điểm cấp dưỡng là từ ngày 15/10/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị H thực hiện quyền này, chị H có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* chị H và anh H1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị H và anh H1 thống nhất thỏa thuận chị H chịu toàn bộ tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị H còn phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch (là người cấp dưỡng nuôi con). Tổng cộng chị H phải chịu là 300.000 đồng. Chị H đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0003592 ngày 4 tháng 9 năm 2020.Anh H1 không phải chịu tiền án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T1, h. N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn